

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ**

I. Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc:
 - + UBND Phường luôn chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.
 - + Luôn đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, gắn với xây dựng văn hóa công sở.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc: Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ luôn đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn.
- Về tư tưởng cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan: Tư tưởng cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan luôn yên tâm công tác và hoàn thành các công việc được giao.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Về biên chế:
 - Tổng số biên chế được giao 23 người.
 - Số biên chế có mặt 21 người.
 - Số biên chế tiết kiệm: 02 người.
2. Về sắp xếp tổ chức bộ máy:
 - Số phòng, ban hiện có đầu năm báo cáo: không phòng.
 - Số phòng, ban hiện có cuối năm: không phòng.
 - Số phòng, ban giảm: không phòng.
3. Về kinh phí:
 - a. Kinh phí quản lý hành chính được giao: 4.991.800.000 đồng.
 - * Kinh phí tự chủ:
 - Số kinh phí được giao: 4.991.800.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện: 4.734.328.384 đồng.
 - Số kinh phí tiết kiệm được: 257.471.616 đồng. Trong đó tiết kiệm tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương) : 257.471.616 đồng.
 - Tỷ lệ % kinh phí tiết kiệm (*kinh phí thực hiện so với kinh phí được giao*) đạt 94%.

- Quỹ tiền lương, cấp bậc, chức vụ trong năm (không bao gồm các khoản phụ cấp): 1.252.489.534 đồng.

- Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, điện, nước.

* Kinh phí không tự chủ:

- Số kinh phí được giao (gồm cả bổ sung): 4.448.438.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện: 4.436.717.822 đồng.

- Số chênh lệch: 11.720.178 đồng. Nguyên nhân không thực hiện: Một số ngành do giảm nhiệm vụ chi

b. Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm:

- Tổng lương bình quân của CCVC trong năm: đồng/năm.

- Tổng thu nhập tăng thêm bình quân của CCVC trong năm: 12.261.000 đồng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 12.261.000 đồng.

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:

c. Trích quỹ và các khoản chi khác: Không

III. Những biện pháp thực tiết kiệm: Tiết kiệm chi Hội nghị, điện, nước, văn phòng phẩm.

Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị: Không

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Ngọc Thảo

Cao Xanh, ngày 16 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**UBND. PHƯỜNG CAO XANH
CHỦ TỊCH**



Triệu Văn Nghĩa



Mẫu biểu số 1b

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP
CỦA CÁC CƠ QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2022 (tính đến thời điểm 31/12/2022)**

STT	Nội dung	Số lượng, số tiền
A	Tổng hợp	
I	Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị	
1	Số lượng đơn vị	
2	Số đơn vị giao tự chủ	
3	Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	
II	Biên chế	
1	Biên chế được giao	23
2	Biên chế thực tế có mặt	21
III	Tổng kinh phí quản lý hành chính (Tỷ đồng)	
1	Kinh phí quản lý hành chính thực hiện tự chủ	
a	Kinh phí được giao thực hiện tự chủ	
	- Nguồn ngân sách nhà nước	4.991.800.000
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	
b	Kinh phí thực hiện	
	- Nguồn ngân sách nhà nước	4.734.328.384
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	
c	Số kinh phí tiết kiệm được	
	-Tiết kiệm chi quỹ lương	
	-Tiết kiệm các khoản chi khác	257.471.616
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
IV	Phân phối kinh phí tiết kiệm	
1	Số đơn vị tiết kiệm kinh phí	
2	Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao thực hiện tự chủ	5%
3	Đơn vị có tỷ tiết kiệm so với kinh phí được giao tự chủ cao nhất	
4	Trích lập và các khoản chi khác	
a	Chi thu nhập tăng thêm	257.471.616
b	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	
c	Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập	
5	Kết quả phân phối thu nhập tăng thêm	
a	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần	
b	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần	
c	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần	
d	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần	
đ	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 lần	
e	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất làtriệu đồng/tháng (nêu tên đơn vị)	
e	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất làtriệu đồng/tháng (nêu tên đơn vị)	
6	Mức chi thu nhập tăng thêm	
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân (triệu đồng/tháng)	
	Mức chi thu nhập bình quân cao nhất (triệu đồng/tháng)	
	Mức chi thu nhập bình quân thấp nhất (triệu đồng/tháng)	
B	Chi tiết theo từng đơn vị	
B.1	Đơn vị A	

STT	Nội dung	Số lượng, số tiền
I	Tình hình giao tự chủ	
1	Đơn vị	
2	Đơn vị giao tự chủ	
3	Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	
II	Biên chế	
1	Biên chế được giao	
2	Biên chế thực tế có mặt	
III	Tổng kinh phí quản lý hành chính (Tỷ đồng)	
1	Kinh phí quản lý hành chính thực hiện tự chủ	
a	Kinh phí được giao thực hiện tự chủ	
	- Nguồn ngân sách nhà nước	
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	
b	Kinh phí thực hiện	
	- Nguồn ngân sách nhà nước	
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	
c	Số kinh phí tiết kiệm được	
	-Tiết kiệm chi quỹ lương	
	-Tiết kiệm các khoản chi khác	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
IV	Phân phối kinh phí tiết kiệm	
1	Số đơn vị tiết kiệm kinh phí	
2	Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao thực hiện tự chủ	
3	Đơn vị có tỷ tiết kiệm so với kinh phí được giao tự chủ cao nhất	
4	Trích lập và các khoản chi khác	
a	Chi thu nhập tăng thêm	
b	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	
c	Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập	
5	Kết quả phân phối thu nhập tăng thêm	
a	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần	
b	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần	
c	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần	
d	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần	
đ	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 lần	
6	Mức chi thu nhập tăng thêm	
B.2	Đơn vị B	